

ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT QUỐC TỊCH NĂM 2008 VỀ VẤN ĐỀ GIA NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

ThS. LÊ THỊ ANH ĐÀO*

1. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về vấn đề gia nhập quốc tịch Việt Nam (QTVN)

Theo thống kê của Bộ tư pháp dựa trên báo cáo của Cục lãnh sự - Bộ ngoại giao và báo cáo của sở tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tính từ tháng 1/1999 đến tháng 12/2007, số lượng hồ sơ về quốc tịch được giải quyết là khá lớn. Tuy nhiên, số hồ sơ đã được giải quyết chủ yếu là xin thôi QTVN (61.460 người), trong khi đó số người xin nhập QTVN là 674 người (mới chỉ giải quyết cho nhập quốc tịch là 231 người, chiếm 35%). Số người nước ngoài được nhập QTVN chủ yếu tập trung vào đối tượng là người tị nạn Campuchia, số này chiếm 62,4%; người không quốc tịch được nhập QTVN là 18,8% và số còn lại là người Trung Quốc (Đài Loan), Ấn Độ, Pakistan, Pháp⁽¹⁾...

Trên thực tế, do hoàn cảnh nước ta trải qua nhiều năm chiến tranh nên tình trạng người không quốc tịch, người không rõ quốc tịch đang cư trú ổn định trên lãnh thổ nước ta hiện nay cũng còn khá nhiều và chủ yếu là ở các tỉnh phía Nam, những khu vực miền núi, biên giới xa xôi. Việc làm thủ tục nhập quốc tịch của những người này rất khó khăn. Mặt khác, trong những năm gần đây có sự điều

chỉnh đường biên giới giữa nước ta với các nước láng giềng thông qua các hiệp định về hoạch định biên giới, theo đó, có một bộ phận dân cư là công dân của nước láng giềng sau cấm mốc sinh sống ổn định trên lãnh thổ Việt Nam. Trong hiệp định không quy định rõ số công dân này đương nhiên có QTVN, cho nên nếu muốn có QTVN thì họ phải làm thủ tục nhập quốc tịch. Trên thực tế, hầu hết những người này đều là người dân tộc, nghèo, trình độ văn hoá thấp, không hiểu biết về tình trạng hộ tịch, quốc tịch và để được nhập QTVN họ vẫn phải hội tụ đủ các điều kiện, phải làm thủ tục xin thôi quốc tịch gốc, phải nộp khoản lệ phí cao hơn so với mức thu nhập của họ⁽²⁾... Việc giải quyết vấn đề nhập quốc tịch cho bộ phận dân cư này, vị thế rất chậm và cũng gây không ít khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong quản lý về vấn đề quốc tịch, hộ tịch.

Như vậy, trong những năm qua, mặc dù số công dân nước ngoài và người không quốc tịch cư trú lâu năm trên lãnh thổ nước ta là khá đông và phần lớn trong số họ rất muốn nhập QTVN nhưng thực tế, số người được nhập QTVN lại rất ít, người được thôi

* Giảng viên Khoa luật quốc tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

QTVN thì nhiều. Nguyên nhân của thực trạng này do đâu? Trước hết, phải xem xét đến các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về vấn đề gia nhập quốc tịch, cụ thể là ba vấn đề cốt lõi: điều kiện gia nhập, hồ sơ và trình tự thủ tục gia nhập quốc tịch Việt Nam.

Thứ nhất, về điều kiện gia nhập quốc tịch Việt Nam: Có thể nói các quy định về điều kiện gia nhập QTVN theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành là khá chặt và chưa sát với tình hình thực tế của nước ta, nhất là đối với bộ phận những người không quốc tịch, những người nước ngoài đã định cư ổn định trên lãnh thổ Việt Nam. Cụ thể:

- Điều 8 Luật quốc tịch năm 1998 quy định nguyên tắc hạn chế tình trạng không quốc tịch, theo đó, trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam và những người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được tạo điều kiện để nhập QTVN. Để phù hợp với điều này, lẽ ra các quy định tiếp theo của Luật quốc tịch năm 1998 phải có sự phân hoá theo hướng người không quốc tịch (nhất là những người đã thường trú ở Việt Nam) phải được nhập quốc tịch theo trình tự, thủ tục đơn giản hơn so với những người nước ngoài muốn xin gia nhập QTVN. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 20 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 thì điều kiện nhập QTVN của người nước ngoài và người không quốc tịch (kể cả người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam) là như nhau, không được miễn hoặc giảm về điều kiện và thủ tục. Sự mâu thuẫn, thậm chí là trái chiều giữa hai

điều luật này khiến cho việc giải quyết hồ sơ xin nhập QTVN của bộ phận người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam là rất khó khăn, thậm chí không giải quyết được.

- Một trong những điều kiện để được nhập QTVN theo Luật quốc tịch năm 1998 là người xin nhập quốc tịch phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam (điểm a khoản 1 Điều 20). Quy định này trong một số trường hợp tỏ ra không hợp lí, nhất là khi áp dụng với những trường hợp con chưa thành niên nhập QTVN theo cha, mẹ.

- Khoản 2 Điều 20 Luật quốc tịch năm 1998 quy định những người: 1) vợ, chồng, con, cha hoặc mẹ của công dân Việt Nam; 2) có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; 3) việc gia nhập quốc tịch của người đó có lợi cho nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì được miễn, giảm một hoặc một số điều kiện nhập quốc tịch. Tuy nhiên, quy định này còn chung chung, chưa phát huy tác dụng. Bởi lẽ, thế nào là người có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (đóng góp ở mức độ nào) hoặc thế nào là việc gia nhập quốc tịch của người đó có lợi cho Nhà nước? Những người là con; cha hoặc mẹ của công dân Việt Nam theo quy định của điều luật trên thì chỉ là con đẻ, cha mẹ đẻ hay cả con nuôi và cha mẹ nuôi? Trong các quy định tiếp theo của Luật quốc tịch năm 1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều chưa làm rõ được vấn đề này.

- Khoản 3 Điều 20 cho phép công dân

nước ngoài nhập QTVN có thể được giữ quốc tịch nước ngoài nhưng lại chưa quy định cụ thể là những đối tượng nào nên dễ gây hiểu lầm là bất cứ công dân nước ngoài nào cũng có thể được giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập QTVN.

Thứ hai, các quy định về hồ sơ, giấy tờ mà đương sự phải nộp khi xin nhập quốc tịch Việt Nam cũng còn chưa hợp lý. Cụ thể:

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định của Chính phủ số 104/1998/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật quốc tịch năm 1998 thì người nước ngoài xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt (trừ trường hợp được miễn). Tuy nhiên, trên thực tế phần lớn những người xin nhập quốc tịch Việt Nam là những người đã có thời gian sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam và họ đều biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng xã hội Việt Nam (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998). Nếu yêu cầu những người này phải có giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt do Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học quốc gia cấp (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTP) thì phiền hà và không khả thi, vì như vậy Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn phải tổ chức kiểm tra, trong khi đó, những người này là dân sống chủ yếu ở vùng núi biên giới (như người Lào, Campuchia...) rất khó khăn về đi lại và điều kiện kinh tế để thi lấy chứng chỉ tiếng Việt.

- Giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài để

nhập QTVN cũng gây không ít trở ngại cho quá trình xin nhập QTVN. Trong thực tế, giải quyết việc công dân Campuchia cư trú nhiều năm trên lãnh thổ Việt Nam xin nhập QTVN thì việc họ xin cấp giấy chứng nhận thôi quốc tịch Campuchia rất khó khăn và hầu hết là không xin được. Bởi lẽ, trong số này cũng có người tự khai là công dân Campuchia nhưng bản thân họ không có bất cứ giấy tờ nào để chứng minh là công dân Campuchia nên cơ quan có thẩm quyền của Campuchia không giải quyết. Tương tự, hiện nay cũng tồn tại khá nhiều người Lào đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (chủ yếu là khu vực biên giới) muốn nhập quốc tịch Việt Nam nhưng họ cũng không thể tự mình liên hệ được với cơ quan có thẩm quyền của Lào để xin giấy chứng nhận thôi quốc tịch Lào.

- Yêu cầu về phiếu lý lịch tư pháp cũng tương tự. Khi xin nhập QTVN, người nước ngoài có thời gian thường trú ở Việt Nam phải nộp phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nơi thường trú cấp. Trong khi đó, khi tiếp nhận hồ sơ xin nhập QTVN, sở tư pháp phải có văn bản đề nghị cơ quan công an xác minh về nhân thân. Yêu cầu nộp phiếu lý lịch tư pháp là động tác không cần thiết, lặp lại việc xác minh của cơ quan công an, gây mất thời gian, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết hồ sơ.

Thứ ba, về trình tự thủ tục gia nhập QTVN. Theo quy định tại Chương II Nghị định của Chính phủ số 104/1998/NĐ-CP về thủ tục, trình tự giải quyết các vấn đề về quốc tịch Việt Nam và Nghị định của Chính

phủ số 55/2000/NĐ-CP ngày 11/10/2000 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 104/2008/NĐ-CP thì trình tự, thủ tục gia nhập quốc tịch Việt Nam còn rườm rà, chưa quy định rõ thời hạn và trách nhiệm của từng cơ quan trong mỗi giai đoạn của quy trình giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch. Hơn nữa, người xin nhập quốc tịch Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn về nơi nộp đơn. Bởi lẽ, pháp luật hiện hành của Việt Nam không quy định rõ trường hợp nào thì được nộp đơn trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước mà không phải qua cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài. Điều này làm cho hồ sơ có thể phải qua nhiều khâu trung gian trước khi đến cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Những khó khăn, vướng mắc từ phía cơ chế pháp lý như trên đã đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật quốc tịch để đáp ứng mong mỏi, nguyện vọng được gia nhập QTVN của nhiều công dân nước ngoài và người không quốc tịch, đặc biệt là những người đã cư trú ổn định tại Việt Nam đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước trong việc quản lý về quốc tịch, hộ tịch cũng như có cơ sở để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Quy định của Luật quốc tịch năm 2008 về gia nhập quốc tịch

Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 vừa được Quốc hội khoá XII thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/7/2009 đã tháo gỡ những

khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vấn đề gia nhập QTVN. Nếu như các quy định về gia nhập QTVN trong Luật quốc tịch năm 1998 chủ yếu tập trung trong một điều luật (Điều 20) thì các quy định về gia nhập quốc tịch trong Luật quốc tịch năm 2008 được cơ cấu thành mục riêng (mục 2, từ Điều 19 đến Điều 22) với những quy định mới, chi tiết, rõ ràng hơn về điều kiện được nhập quốc tịch, đối tượng được miễn một số điều kiện và được giữ quốc tịch nước ngoài khi gia nhập quốc tịch Việt Nam. Vấn đề hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch trước đây được quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành thì nay cũng đã được luật hoá trong Luật quốc tịch năm 2008.

Thứ nhất, về điều kiện gia nhập quốc tịch Việt Nam: Theo Điều 19 của Luật quốc tịch năm 2008 thì công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin gia nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện: 1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam; 2) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam; 3) Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam; 4) Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; 5) Có khả năng đảm bảo cuộc sống tại Việt Nam. Đây là các điều kiện chung đối với người xin gia nhập QTVN và về cơ bản các điều kiện

chung này không thay đổi so với quy định của Luật quốc tịch năm 1998.

Thực tế cho thấy các quốc gia thường đưa ra những quy định nhập quốc tịch khác nhau nhưng nhìn chung pháp luật các nước đều quy định điều kiện nhập quốc tịch là phải có phẩm chất đạo đức tốt, chưa bị kết án tù, có hiểu biết cơ bản về văn hoá của nước đó, từ 18 hoặc 20 tuổi trở lên, cư trú trên lãnh thổ nước đó một thời gian nhất định⁽³⁾... Do đó, quy định về điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam như trên, theo tác giả bài viết là khá chặt chẽ và phù hợp với pháp luật các nước và đặc thù của Việt Nam hiện nay đồng thời cũng có sự tương thích với Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước của Liên hợp quốc về hạn chế tình trạng người không quốc tịch năm 1975.

Về phía Nhà nước, các điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, một mặt có ý nghĩa đảm bảo Hiến pháp, pháp luật cũng như phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam được tôn trọng, mặt khác, đảm bảo rằng những người gia nhập quốc tịch Việt Nam không tạo ra gánh nặng về kinh tế, văn hoá, xã hội... cho Nhà nước. Về phía bản thân người xin nhập quốc tịch, các điều kiện trên cũng là cơ sở ban đầu giúp họ có thể hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam cả về mặt văn hoá, ngôn ngữ cũng như điều kiện cuộc sống và đủ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân khi họ được mang quốc tịch.

Giữa điều kiện chung và riêng, có tính đến yếu tố tâm lý, tình cảm và đặc thù của

một số đối tượng cụ thể, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 cho phép miễn một số điều kiện nhập QTVN đối với các đối tượng này. Khoản 2 Điều 19 Luật quốc tịch năm 2008 quy định người xin nhập quốc tịch Việt Nam nếu thuộc một trong các trường hợp: “là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam”; hoặc “là người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”; hoặc “việc gia nhập quốc tịch của người đó có lợi cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” thì được miễn các điều kiện 3), 4) và 5) nêu trên. Về điểm này, so với Luật quốc tịch năm 1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì Luật quốc tịch năm 2008 đã làm rõ, chỉ trường hợp là cha mẹ đẻ, con đẻ của công dân Việt Nam hoặc có công lao đóng góp đặc biệt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam mới được miễn giảm về điều kiện và thủ tục trên. Luật quốc tịch 2008 cũng nói lỏng các điều kiện và mở rộng các đối tượng được miễn một số điều kiện gia nhập quốc tịch Việt Nam. Bởi lẽ, theo khoản 2 Điều 20 Luật quốc tịch năm 1998 và Điều 9 Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch năm 1998, chỉ trong trường hợp cá biệt, việc gia nhập quốc tịch của người đó có lợi cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì mới được miễn cả ba điều kiện trên. Hai trường hợp còn lại thì chỉ được giảm 2 năm về điều kiện thường trú liên tục và miễn điều kiện về biết tiếng Việt và khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt

Nam. Điểm đáng lưu ý nữa là khoản 3 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã quy định cụ thể: Cũng chỉ những đối tượng trên, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép mới được giữ quốc tịch nước ngoài khi gia nhập QTVN; mọi trường hợp khác khi nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

Quy định miễn một số điều kiện nhập QTVN cho những đối tượng nêu trên đồng thời cho phép họ có thể xin giữ quốc tịch nước ngoài, một mặt có ý nghĩa đảm bảo nguyên tắc một quốc tịch, mặt khác lại tạo điều kiện thuận lợi đối với những người có quan hệ gia đình gần gũi với công dân Việt Nam được nhập QTVN; khuyến khích, động viên những người có công lao đóng góp cho Nhà nước Việt Nam, cũng như tạo điều kiện thuận lợi để thu hút những người có tinh thần, tâm huyết, tài năng nhập QTVN để có thể cống hiến tốt nhất cho sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam.

Tuy nhiên, để đảm bảo lợi ích quốc gia, khoản 5 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 vẫn tiếp tục quy định: “*Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam*”.

Để khắc phục hạn chế của Luật quốc tịch năm 1998 và nhằm giải quyết thực trạng người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, Luật quốc tịch năm 2008 quy định: “*Người không quốc tịch mà không có đầy đủ các giấy tờ về nhân thân nhưng đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam từ 20 năm trở*

lên tính đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo trình tự, thủ tục và hồ sơ do Chính phủ quy định” (Điều 22). Theo quy định này, những người không quốc tịch mà không có đầy đủ các giấy tờ tùy thân vẫn phải đáp ứng các điều kiện chung về nhập QTVN theo quy định tại Điều 19 của Luật nhưng có thể được nhập QTVN theo trình tự, thủ tục đơn giản hơn và hồ sơ xin nhập QTVN của họ không nhất thiết phải có đủ các giấy tờ như quy định tại Điều 20 của Luật.

Như vậy, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã có sự phân biệt giữa những người Việt Nam hiện đang định cư ở nước ngoài mà chưa mất QTVN (những người này theo quy định tại Điều 13 của Luật thì chỉ cần đăng ký để giữ quốc tịch Việt Nam trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực) với người không rõ quốc tịch đã cư trú ổn định ở Việt Nam (những người này phải làm thủ tục xin nhập quốc tịch Việt Nam nhưng theo trình tự, thủ tục và hồ sơ đơn giản hơn). Quy định như trên là phù hợp với thực tế hiện nay ở nước ta. Bởi lẽ, nếu cho phép những người không quốc tịch, người không rõ quốc tịch đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam chỉ cần đăng ký quốc tịch giống như người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì có thể gây ra một số vấn đề phức tạp về di dân, nhập cư... đặc biệt là đối với dân cư ở vùng ven biên giới hoặc đối với một số người nước ngoài đang làm việc trên lãnh thổ Việt Nam mà chưa lương hết được

những hậu quả phát sinh và những tác động khác về mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Mặt khác, nếu chỉ cần đăng kí quốc tịch thì thực chất là cho người không quốc tịch và người không rõ quốc tịch đang cư trú ở Việt Nam được nhập QTVN và điều này không phù hợp với quy định tại Điều 103 Hiến pháp năm 1992 là chỉ có Chủ tịch nước mới có thẩm quyền cho người nước ngoài nhập QTVN và cũng không phù hợp với quy định tại Điều 19 của Luật về điều kiện nhập quốc tịch. Do đó, Điều 22 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 một mặt tạo ra cơ chế giải quyết những tồn đọng về tình trạng người không quốc tịch, tạo điều kiện cho người không rõ quốc tịch nước nào, người nước ngoài làm ăn, sinh sống ổn định trên lãnh thổ Việt Nam (bao gồm cả bộ phận dân cư sống dọc theo biên giới do có sự hoạch định lại biên giới giữa nước ta và nước láng giềng) được nhập QTVN theo trình tự, thủ tục đơn giản; mặt khác, cũng phân biệt giữa những người di cư đã sinh sống ổn định tại Việt Nam với người mới nhập cư (có thể là trái phép), tạo điều kiện thực hiện quy định của Luật “ai cũng có quốc tịch” và “hạn chế tình trạng không quốc tịch”.

Thứ hai, về hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam: Luật quốc tịch năm 2008 đã luật hoá quy định về hồ sơ xin nhập quốc tịch, hạn chế phần nào việc phải chờ văn bản hướng dẫn như trước đây. Luật cũng quy định giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam không yêu cầu phải bao gồm cả hiểu biết về văn hoá,

lịch sử và pháp luật theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ tư pháp như quy định tại Nghị định số 104/1998/NĐ-CP.

Thứ ba, so với các văn bản trước đây quy định về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 cũng quy định cụ thể hơn về thời gian giải quyết hồ sơ ở từng công đoạn trong quy trình, tương ứng với trách nhiệm và tính chất công việc phải giải quyết của từng cơ quan, tạo điều kiện cho người xin nhập quốc tịch có cơ sở pháp lí yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết kịp thời, đúng pháp luật. Cụ thể, khoản 1 Điều 21 quy định rõ trách nhiệm của Bộ tư pháp trong việc thông báo về hồ sơ xin nhập quốc tịch để người xin nhập quốc tịch kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; khoản 2 Điều này cũng quy định cụ thể thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, sở tư pháp phải gửi văn bản đề nghị cơ quan công an tỉnh xác minh về nhân thân người xin nhập quốc tịch. Thời hạn cho việc giải quyết hồ sơ ở các công đoạn sau cũng được quy định cụ thể và rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết hồ sơ.

Cũng phải thấy rằng các quy định về nhập quốc tịch Việt Nam tập trung chủ yếu trong bốn điều (từ Điều 19 đến Điều 22) Luật quốc tịch năm 2008 nhưng có đến ba điều quy định giao cho Chính phủ hướng dẫn cụ thể các điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam, giấy tờ trong hồ sơ và thủ tục xin nhập quốc tịch... Tuy nhiên, cho đến nay Chính phủ vẫn chưa ban hành các văn bản quy định cụ thể về vấn đề này. Theo quan

điểm của chúng tôi trên cơ sở phân tích các quy định hiện hành của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 và từ thực tiễn thời gian qua⁽⁴⁾ thì các văn bản hướng dẫn thi hành Luật sắp tới nên:

- Quy định rõ những đối tượng, điều kiện và thủ tục để được miễn giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt.

- Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, “*các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình*” (Điều 5 Hiến pháp năm 1992, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001), vì vậy điều kiện “*tiếng Việt*” theo quy định của pháp luật về quốc tịch cần được hiểu theo nghĩa bao hàm cả tiếng các dân tộc thiểu số nơi người xin nhập quốc tịch sinh sống.

- Để tạo thuận lợi cho người xin nhập quốc tịch, theo tác giả bài viết, nên chăng sẽ cho phép việc nhận hồ sơ qua đường bưu điện vì Việt Nam đã thành công trong việc áp dụng cách thức này trong cấp hộ chiếu.

- Các quy định về đối tượng là người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc thể nào là việc gia nhập quốc tịch của người đó có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hồ sơ xin nhập quốc tịch đối với từng đối tượng cụ thể... cũng cần phải được cụ thể hoá trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Tóm lại, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã có những quy định mới, cụ thể, phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của những người muốn gia nhập QTVN, phù hợp với pháp luật quốc tế cũng như thông lệ pháp

luật quốc tịch của các nước và đặc biệt là đã tạo điều kiện cho hàng vạn người không quốc tịch ở Việt Nam được nhập QTVN, giải quyết được về mặt pháp lý tình trạng người không quốc tịch ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, các quy định cụ thể, chi tiết thể hiện rõ tinh thần trên của Luật quốc tịch năm 2008 cần phải được cụ thể hoá trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trong thời gian tới, để các quy định này thực sự phát huy tác dụng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội về quốc tịch./.

(1).Xem: Bộ tư pháp, *Báo cáo tổng kết 9 năm thực hiện Luật quốc tịch Việt Nam 1998*, Báo cáo số 21b/BC-BTP ngày 18/2/2008.

(2). Mức thu lệ phí đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Thông tư 08/1998/TTLT/BTP-BTC-BNG ngày 31/12/1998 là 2.000.000 đồng.

(3).Xem: Điều 14 Luật quốc tịch của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (1990); Điều 8 Luật quốc tịch của Vương quốc Campuchia (1996); Điều 3 Luật quốc tịch Trung Quốc; Điều 5 Luật quốc tịch Nhật Bản (Luật số 147 năm 1950, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 268 năm 1952, Luật số 45 năm 1984 và Luật số 89 năm 1993); Mục 5 từ Điều 59 đến Điều 71 Bộ luật quốc tịch nước Cộng hòa Pháp (sửa đổi, bổ sung bằng Luật số 93-933 ngày 22/7/1993); Điều 5 Luật quốc tịch Canada (năm 1985 được sửa đổi, bổ sung đến tháng 2/1993); Điều 13 Luật quốc tịch Australia...

(4). Trong thời gian qua, Bộ tư pháp đã thống nhất với các bộ, ngành tháo gỡ yêu cầu về giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt cho những người xin nhập quốc tịch Việt Nam là những người đã có thời gian sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam và đã biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng xã hội Việt Nam bằng cách cho phép những đối tượng này được miễn nộp giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt. Khi thụ lý hồ sơ, sở tư pháp có thể chỉ cần thực hiện việc phỏng vấn để xác định khả năng của đương sự về viết, đọc hoặc nói tiếng Việt.